

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Câu hỏi cho người nộp đơn

ODP IV :

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào Bảng câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ được thì điền bằng tiếng Việt.

: Mail or send the completed questionnaire to :
: Gửi Bảng Câu hỏi này về :
: Mrs Khuc Minh Tho
: PO. Box 5435 Arlington
: Va. 22205-0635
: U. S. A.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.

1. Name : THỊ NON Sex : Female
Họ tên Phái
2. Other Name : Any
Họ tên khác
3. Date/Place of birth : 1942 at Ba Xuyên Province
Ngày / Nơi sinh
4. Residence Address : Sóc Bung Hamlet, Thạnh Phú Commune, Ô Môn District, Hậu Giang Province VIỆT NAM
Địa chỉ thường trú
5. Mailing Address : Same as above.
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation : Farmer
Nghề nghiệp hiện nay

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý : Chỉ có vợ/chồng và con còn độc thân mới có thể cùng đi với Bạn. kê khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATIONSHIP
1. Danh TẤN	17.02.61 Cà Mau	M	M	Son
2. Danh HÙNG	22.11.66 Cà Mau	M	M	Son
3. Danh Thị KIMANH	20.02.68 Cà Mau	F	M	Daughter
4. Danh PHƯỚC	25.10.70 Cà Mau	M	M	Son

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates, (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID Card (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một khai sinh, Hôn thú (nếu đã lập gia đình), Giấy ly hôn (nếu đã ly dị), Khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với Bạn mà hiện không chung ngụ, thì ghi địa chỉ của họ vào Phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Bà con ở ngoài nước.

- | | OF MYSELF
của tôi | OF MY SPOUSE
của vợ/chồng |
|--|----------------------|------------------------------|
| 1. Closest Relatives in The U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ | : | : |
| a. Name
Họ tên | : | : |
| b. Relationship
Liên hệ gia đình | : | : |
| c. Address
Địa chỉ | : | : |
| d. Date of Relative's Arrival in The U.S.
Ngày bà con đến Hoa Kỳ | : | : |
| 2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác | : | : |
| a. Name
Họ tên | : | : |
| b. Relationship
Liên hệ gia đình | : | : |
| c. Address
Địa chỉ | : | : |

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (Sống/chết)

1. Father : TRINH BONG, Living at Thanh Phú, Hậu Giang
Chưa
2. Mother : Thị BINH (Dead)
Mẹ
3. Spouse : DANH SOUL, born in 1939 at Hoà Bình, Cà Mau
Vợ/chồng Late Sergeant I.
4. Former spouse (if any) : None.
Vợ/chồng trước (nếu có)
5. Children : (1) Danh Tấn, 1961. Living. Farmer at Thanh Phú
Các con (2) Danh Hùng, 1966. id
(3) Danh Thị Kim ANH, 1968. id
(4) Danh Phước, 1970. id
6. Siblings : Any
Anh chị em

B. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION
OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công
sở của Chính Phủ Hoa Kỳ hoặc Hãng Mỹ.

1. Employee Name :
Họ tên nhân viên
Position Title :
Chức vụ
Agency/Company/Office :
Sở / Hãng / Văn phòng
Length of Employment : From : To :
Thời gian làm việc Từ tới
Name of American Supervisor :
Họ tên giám thị Mỹ
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc
2. Employee Name :
Họ tên nhân viên
....
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc
3. Employee Name :
Họ tên nhân viên
....
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc

C. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng
đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving : DANH SUOL, born in 1939 at Hoà Bình
Họ tên người tham gia
2. Dates From : To :
Ngày tháng năm Từ tới : 27.07.1971
3. Last Rank : Sergeant I Serial No : 62/510.688
Cấp bậc cuối cùng Số quân
4. Ministry/ Office/ Mil. Unit : Cà Mau Military Section.
Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng
5. Name of Supervisor / C.O. :
Họ tên giám thị/SQ chỉ huy
6. Reason for Separation : Killed by VC
Lý do nghỉ việc
7. Names of American Advisor(s) :
Họ tên cố vấn Hoa Kỳ
8. U.S. Training Courses in Vietnam :
Các khóa huấn luyện của Mỹ tại VN
9. U.S. Awards or Certificates
Name of Awards : Date received :
Phân thưởng / Giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas or certificates, or
awards, if available. Available ? Yes : No : .)

(CHÚ Ý : Xin bạn kẹp theo bất cứ Văn bằng, Giấy khen, hoặc chứng
thư, nếu có. Bạn có không ? Có : Không : .)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở ngoài quốc.

1. Name of Student/Trainee :
Họ tên sinh viên/người thụ huấn
2. School and School Address :
Trường và địa chỉ Trường
3. Dates : From : To :
Ngày tháng năm Từ tới
4. Description of Courses:
Mô tả ngành học
5. Who paid for Training ?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE : Please ~~note~~ attach any copies of diplomas or orders, if available. Available ? Yes : No : .)

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ Văn bằng hoặc chỉ thị nếu có.
Bạn có không ? Có : Không : .)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of Person in Re-Education :
Họ tên người học tập cải tạo
2. Time in Re-Education : From : To :
Thời gian cải tạo Từ tới
3. Still in Re-Education ? Yes : No :
Còn học tập không Còn không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao Giấy ra trại của bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS ? / Cuộc chú phụ thuộc.

I wish I could be granted allowance for War-Dead's Family as before.

Signature :
Ký tên



Date : December 16, 1989
Ngày

J. ALL DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm.

1. Photocopy of Decree No. 4332/QGNT/CLQ2
2. Photocopy of Decree No. 52834/CCB/CLQ2



Đanh Hùng
25 tuổi



Chị Nôn
49 tuổi



Đanh Kim Anh
25 tuổi



Đanh Phước
20 tuổi

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CÁN-CHỨC

Số 10726184

Họ Tên THI - NÔN

Ngày, giờ sinh 1942

Hà - Xuyên

Trình - Vành

Mẹ Thi - Bình

Địa chỉ Ấp Sóc Bông Xã Thạnh Phú



ĐƠN NHẬP QUÂN

Chăm thảo tròn sơ vận.

Cao: 1 m 50

Nặng: 50 Kg

Chữ ký đương sự:

Không thể tự ký.

Ba-Xuyên, ngày 9-6-1973

TUN. Chỉ Huy Trưởng CSQG

Chỉ Huy Phó

Ngô-Văn-Hòa

Ngón tay phải

Ngón tay trái

VIỆT - NAM CỘNG-HÒA

**BỘ CỰU CHIẾN - BINH
NHÀ HƯU - BỔNG
VÀ CẤP-DƯỠNG**

QUẢN TRƯỞNG CỰU CHIẾN BINH

- Chiếu luật số 70 ngày 09 tháng 7 năm 1970 và các văn bản quy định chế độ cấp dưỡng cho người thân và gia đình liệt sĩ;
- Chiếu hặc cấp dưỡng số _____ ngày _____

NGHỊ-ĐỊNH

Số 4332 QUẢN/QUẢN

D



Điều 1. Ông bà) THỊ HOA
Ngày và nơi sinh 1942
Địa chỉ 85 Tr. Hưng Đạo, B. Huyện
Căn cước 0218 cấp tại B. Huyện
Là (1) TRƯỞNG của Đ. TH. 3001
Cấp bậc 1/5-2 số quân 6/501.680
Đã (2) Tuất thân ngày 17.07.71

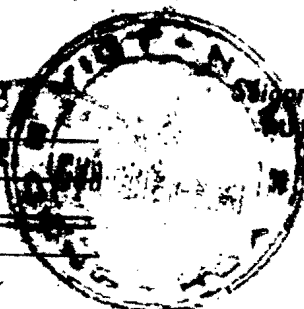
Tên thân nhân được cấp dưỡng	Ngày sinh	Được hưởng đến
DANH TÂN	17.02.42	16.02.79
DANH HƯNG	22.11.60	21.11.84
DANH THỊ KIM HUY	20.02.60	19.02.86
DANH PH. Đ.	25.10.70	24.10.88

Được hưởng nội khoản cấp dưỡng hàng Tam cá nguyệt là :

CẤP DƯỠNG TÍNH THEO CẤP BẠC (Phổ độ)	Số thân nhân	NGÂN KHOẢN CẤP DƯỠNG	
		(lăng số)	(hàng chữ)
Từ <u>28.7.71</u> đến	<u>4</u>	<u>1800\$</u>	<u>Bon ngàn tám trăm đồng.</u>
Từ <u>28.7.71</u> đến			
Từ đến			
Từ đến			
Từ đến			
Từ đến			

Điều 2. Đồng Lý Văn Phòng, Tổng Thư Ký, Giám Đốc Nhà Hữu Bổng và Cấp Dưỡng chịu nhiệm vụ thi hành Nghị định này.

KY LÂM TÂN LÂM THỦ HUY
NHÂN HỮU-BỔNG
từ 28.7.71 đến 28.7.71
số tiền 1800.00
khẩn trừ hay cộng thêm
còn được lãnh



17 Th 7 1972
TRƯỞNG CỰU CHIẾN BINH

NĂM	I tháng I	I tháng 4	I tháng 7	I tháng 10
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				

CHỖ THÍCH DÀNH RIÊNG CHO SỔ CẤP DƯỠNG

- (1) Quả Phụ, Tổ Phụ, Giám Hộ Cô Nhi, Giám Hộ Quốc gia Nghĩa Tử hoặc chính Phế Bính.
 (2) Tử trận, tử nạn, tử bệnh, mất tích hoặc xác nhận tàn phế.

KIỂM SOÁT VIÊN CHUNG KẾT

Họ và tên _____
 Ngày _____
 Ký tên _____

CHỨNG NHẬN GIAO NGHỊ ĐỊNH MẪU B

và SỔ CẤP DƯỠNG 26NT số 4332 ngày 17-2-20

Người nhận: Trần Văn Minh
 Họ và tên: Trần Văn Minh
 Căn cước số: 01-88
 Cấp ngày: 17-2-20
 Người giao: Trần Văn Minh
 Họ và tên: Trần Văn Minh
 Căn cước số: 01-88
 Cấp ngày: 17-2-20
 In Ký: Minh

Số 02854 / CCB/CI 12

D

TỔNG TRƯỞNG CƯU CHIẾN BINH

- Chiếu luật số 03/70 ngày 9 tháng 7 năm 1971 về các văn kiện quy định chế độ cấp dưỡng các phe binh và gia đình sĩ.
- Chiếu hồ sơ xin cấp dưỡng số ngày

CHỈ DẪN



ĐIỀU 1.- Ông (Bà) THI NGON
Ngày và nơi sinh 19/11/1931 - An-Luyen
Ấn chỉ 17/11/1931 - An-Luyen
Căn cước 91799 cấp tại 1.4.66 - An-Luyen
Là (1) của GIANG NGON
Cấp bậc Th/3 quân số 61701.666
Đã (2) 11-Thuận ngày 31.7.71

Tên thân nhân được cấp dưỡng	Ngày sinh	Được hưởng đến
<u>GIANG TIN</u>	<u>17.04.41</u>	<u>30.02.79</u>
<u>GIANG NGON</u>	<u>2.11.66</u>	<u>31.11.83</u>
<u>GIANG THI LINH NGON</u>	<u>19.01.66</u>	<u>29.01.83</u>
<u>GIANG NGON</u>	<u>13.10.79</u>	<u>14.10.83</u>

CẤP DƯỠNG TÍNH THEO CẤP BẬC : SỐ : NGÂN KHOẢN CẤP DƯỠNG

(Phế độ)	Thân	(Bằng số)	(Bằng chữ)
Từ <u>30.7.71</u> đến	nhân	0	0
Từ <u>30.7.71</u> đến	4	236204	Hai mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi tư đồng.
Từ đến	0	0	0
Từ đến	0	0	0
Từ đến	0	0	0
Từ đến	0	0	0
Từ đến	0	0	0

ĐIỀU 2.- Ông Lý Văn-Phong, Tổng Thư Ký, Giám Đốc Nhà Hưu-Bổng và Cấp-Dưỡng chiếu nhiệm vụ thi hành Nghị-định này.

24 Th.3. 1972

TIỀN LÃNH KỶ THỨ NHẤT :
Từ 30.7.71 đến 30.7.71
Số tiền
Khấu trừ hay cộng thêm
.....

Saigon, ngày tháng năm 1972
T.Ư.N. TỔNG TRƯỞNG CƯU CHIẾN BINH.



THI NGON

NAM : 1 tháng 1 : 1 tháng 4 : 1 tháng 7 : 1 tháng 10 :

19:

19 :

19 :

19 :

19 :

19 :

19 :

19 :

19 :

19 :

19 :

CHỮ THÍCH DÀNH RIÊNG CHO SỞ SÁP ĐƯNG :

KIỂM SOÁT VIỆN CHƯNG KẾT

(1) Qua phụ, tổ phụ, Giám hộ công hi :

Họ và tên

Giám hộ Quốc gia ghi tử hoặc :

Ngày

chính Phê bình. :

Ký tên

(2) Tử trận, tử nạn, tử bệnh, mất tích :

hoặc xác nhận tàn phế. :

CHỨNG NHẬN GI NGHỊ ĐỊNH MẪU D

và số cấp dưỡng ... Q/P... số 5284... ngày 25.12.72.....

Người nhận : A

Người giao :

Họ và tên ... THỊ - Ngon

Họ và tên ... TRAN-VAN-MINH

Căn cước số ... 0121778

Chức vụ ... QUANG-QUAN-KU

Cấp ngày 01-04-72 tại Q/Lang

BX Ấn ký 19-04-72

Ký tên hoặc điểm chỉ

Minh

From : THI NON
Ấp Sóc Búng
Xã Thạnh Phú, MỸ XUYỀN
Hậu Giang VIỆT NAM



nonu

MET DAY
PAR AVION

JAN 9 1990

JAN 9 1990

10250 QUAN S
R No 613
142

TO : MRS KHUC MINH THO
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.

379 101050



VIET NAM
✠ 9060 ✠
BUU CHINH
SM: 005

Handwritten signature